

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính							
				Xã Ea Ning	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ktur	Xã Ea Tiêu	Xã Ea BHók	Xã Ea Hu	Xã Dray Bhang	Xã Hòa Hiệp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	142,52	20,94	31,97	18,89	25,45	3,31	3,30	22,70	15,97
	<i>Trong đó:</i>										
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,77	0,07	1,04	0,09	0,09		0,45	0,04	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>1,77</i>	<i>0,07</i>	<i>1,04</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>		<i>0,45</i>	<i>0,04</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	30,62	1,06	11,37	0,71	3,50	1,01	0,40	1,00	11,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	108,10	19,50	18,79	17,82	21,66	2,30	2,03	21,66	4,34
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,05								0,05
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>									
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,98	0,32	0,77	0,28	0,20		0,41		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,92				0,34				0,58
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,92				0,34				0,58
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,78	0,62		0,06		0,10			

*Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở*